

Bản án số: **49/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn
và tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Vy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Thanh T.** Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Ngô Thị Thanh H.** Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày:

Qua thời gian quen biết, tìm hiểu thì vào ngày 29/02/2019 ông Huỳnh Thanh T và bà Ngô Thị Thanh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, sau đó ông, bà đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc

Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135 ngày 29/11/2019. Sau khi kết hôn thì ông, bà chung sống với cha mẹ của ông T.

Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H thường xuyên cự cãi, hỗn xược với mẹ của ông, ông đã nhiều lần khuyên ngăn vợ nhưng bà H không nghe và giữa hai người phát sinh bất đồng quan điểm sống, cùng với việc ông, bà bị vô sinh nên từ đó tình cảm vợ chồng trở nên nhạt nhẽo, không còn hạnh phúc.

Đến ngày 31/5/2021 giữa bà H và mẹ của ông cự cãi lẫn nhau, vì bức tức nên mẹ của ông có lời lẽ xua đuổi bà H và bà H đã về nhà cha, mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Do đó, ông Huỳnh Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới bên chồng cho con dâu 1 đôi hoa tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, 1 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara, 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, cô bác hai họ cho 07 chỉ vàng nhẫn 24 kara. Tất cả là 01 cây 08 chỉ vàng 24 kara. Ông yêu cầu chia đôi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản riêng: Trước khi kết hôn, ông có sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18k, 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24k. Số vàng này ông để chung với số vàng chung của hai vợ chồng, khi bà H về nhà cha mẹ ruột ngày 31/5/2021 đã mang theo và cất giữ. Ông yêu cầu bà H trả lại cho ông số vàng nêu trên.

Tại phiên hòa giải ngày 21/4/2022 và tại phiên tòa ông T trình bày:

Về tài sản chung: Trong ngày cưới bên gia đình ông cho con dâu 1 đôi hoa tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, 1 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara, 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, cô bác hai họ cho 07 chỉ vàng nhẫn 24 kara. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì vợ chồng có bán vàng cưới là 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara. Hiện nay còn lại 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara (gồm 1 đôi hoa tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, vàng cô bác hai họ cho là 07 chỉ vàng nhẫn 24 kara) thì bà H đang giữ hết.

Về tài sản riêng: Vợ chồng ông có bán 01 chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24k (Mà trong đơn khởi kiện ông đã yêu cầu bà H trả). Hiện nay, bà H đang giữ của ông 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara.

Nay ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

Về tài sản chung: Do hiện nay số vàng cưới chỉ còn lại 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara, số vàng này do bà H đang giữ hết nên ông yêu cầu chia đôi tài sản chung là 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara (gồm 1 đôi hoa tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, vàng cô bác hai họ cho là 07 chỉ vàng nhẫn 24 kara). Ông yêu cầu bà H chia cho ông 08 chỉ vàng 24 kara (gồm 01 sợi dây chuyền

trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara).

Về tài sản riêng: Do vợ chồng ông đã bán 01 chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24 kara (Mà trong đơn khởi kiện ông đã yêu cầu bà H trả). Hiện nay, bà H đang giữ của ông 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara nên ông yêu cầu bà H trả lại cho ông sợi dây chuyền này.

Ngoài ra, ông T cho rằng việc bà Ngô Thị Thanh H cho rằng đã bán hết vàng cưới của hai vợ chồng để đi điều trị bệnh vô sinh cho ông là không đúng, vợ chồng ông chỉ bán 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara, còn lại số vàng là 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara thì do bà H đang giữ hết, còn số tiền đi điều trị bệnh vô sinh ở các bệnh viện từ năm 2019 đến năm 2021 là do mẹ của ông là bà Lâm Thị H1 cho với số tiền là 150.000.000 đồng, chứ không có bán vàng cưới để điều trị bệnh.

- Theo biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Ngô Thị Thanh H trình bày:

Vào ngày 29/02/2019 bà và ông T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, sau đó ông, bà đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 135 ngày 29/11/2019. Sau khi kết hôn thì ông, bà chung sống với cha mẹ của ông T.

Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cùng với việc T bị vô sinh nên từ đó tình cảm vợ chồng trở nên nhạt nhẽo, không còn hạnh phúc. Đồng thời, do sau điều trị vô sinh hết tiền thì mẹ ông T đuổi bà ra khỏi nhà nên bà mới về nhà mẹ ruột sinh sống, chứ bà không có hôn hào gì với mẹ chồng hết. Trong suốt 03 năm ông T đi điều trị vô sinh, không làm ra tiền, bà là người phải thức khuya dậy sớm để buôn bán kiếm tiền lo cho gia đình ông T nhưng khi bà hết tiền thì gia đình ông T đuổi bà ra khỏi nhà.

Trong quá trình chung sống thì ông, bà không có con chung.

Về tài sản chung: Ông T nói ngày cưới gia đình ông T cho bà 1 đôi hoa tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, 1 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara, 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, cô bác hai họ cho 07 chỉ vàng nhẫn 24 kara. Tất cả là 01 cây 08 chỉ vàng 24 kara là không đúng sự thật. Thực tế, ngày cưới gia đình ông T có cho vợ chồng số vàng là 01 cây 01 chỉ vàng 24 kara (gồm 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara). Tuy nhiên, toàn bộ số vàng này thì ông T đã bán hết để trị vô sinh cho vợ chồng trong 03 năm từ năm 2019 đến năm 2021 tại nhiều bệnh viện như Từ Dũ, Bình Dân ở Sài Gòn, Phương Châu ở Cần Thơ nên hiện nay số vàng này đã không còn. Hiện bà và ông T không còn tài sản chung gì hết.

Ông T nói tiền điều trị bệnh vô sinh là do mẹ ông T cho với số tiền là 150.000.000 đồng là không đúng sự thật, tiền điều trị bệnh vô sinh là do ông T đã bán hết số vàng cưới đi trị bệnh, ngoài ra còn lấy từ tiền mà bà đã cực khổ

buôn bán kiếm được để đi điều trị bệnh và chi cho các khoản khác trong suốt quá trình điều trị bệnh 03 năm, cũng như chi phí ăn uống, sinh hoạt hằng ngày đều do bà buôn bán mà có vì ông T không không có đi làm, chỉ ở nhà ở không.

Về tài sản riêng: Ông T yêu cầu bà trả lại cho ông T 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24 kara là bà không đồng ý vì bà không có giữ số vàng này của ông T.

Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung thì bà và ông T không có con chung.

Về tài sản chung: Bà không đồng ý chia đôi tài sản chung theo yêu cầu của ông T vì thực tế ngày cưới gia đình bên chồng có cho 01 cây 01 chỉ vàng 24 kara. Tuy nhiên, toàn bộ số vàng này thì ông T đã bán hết để trị bệnh trong 03 năm tại các bệnh viện nên hiện nay bà và ông T không còn tài sản chung gì hết.

Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Ông T yêu cầu bà trả lại cho ông T 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24 kara là bà không đồng ý vì bà không có giữ số vàng này của ông T.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đối với việc ông Huỳnh Thanh T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T, giải quyết cho ông Huỳnh Thanh T ly hôn với bà Ngô Thị Thanh H.

Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu chia đôi số vàng là 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara (gồm 1 đôi hoa tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, vàng cô bác hai họ cho là 07 chỉ vàng nhẫn 24 kara). Ông yêu cầu bà H chia cho ông 08 chỉ vàng 24 kara (gồm 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara). Xét thấy, ông Huỳnh Thanh T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là có đưa số vàng nêu trên cho bà Ngô Thị Thanh H giữ sau khi ông, bà tổ chức đám cưới, nguyên đơn cũng không chứng kiến việc bị đơn mở cửa tủ đem số vàng trên ra khỏi nhà vào ngày 01/6/2021. Việc bà Lâm Thị H1 trình bày bà có cho nguyên đơn và bị đơn số tiền là 150.000.000 đồng để điều trị bệnh nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc mình đã đưa tiền cho nguyên đơn và bị đơn đi điều trị

bệnh. Nguyên đơn từ khi kết hôn với bị đơn thì không có việc làm nên không có thu nhập, nguyên đơn và bị đơn phải thường xuyên đi điều trị bệnh và theo như lời khai của bị đơn là số vàng cưới nguyên đơn đã bán hết để điều trị bệnh là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Thanh T về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung là 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara.

Về tài sản riêng: Ông Huỳnh Thanh T cho rằng bà H có giữ của ông 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara. Tuy nhiên, bà Ngô Thị Thanh H không thừa nhận có giữ số vàng này của ông. Do ông Huỳnh Thanh T không có chứng cứ gì để chứng minh là bà H có giữ số vàng này của ông. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bà H trả lại 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh H; Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi tài sản chung là 01 cây 08 chỉ vàng 24 kara; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản riêng: Yêu cầu bà H trả lại cho ông tài sản riêng của ông có trước khi cưới bà H là 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara, 01 chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24 kara; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp đòi lại tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đối với việc nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về tài sản chung: Do hiện nay số vàng cưới chỉ còn lại 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara (gồm 1 đôi hoa tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, vàng cô bác hai họ cho là 07 chỉ vàng nhẫn 24 kara). Ông yêu cầu bà H chia cho ông 08 chỉ vàng 24 kara (gồm 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, loại vàng nữ trang 97%) ; Về tài sản riêng: Do vợ chồng ông đã bán 01 chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24 kara (Mà trong đơn khởi kiện ông đã yêu cầu bà H trả).

Hiện nay, bà H đang giữ của ông 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara nên ông yêu cầu bà H trả lại cho ông sợi dây chuyền này. Xét thấy: Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh T và bà Ngô Thị Thanh H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/11/2019 cho nên quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Thanh T và bà Ngô Thị Thanh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa ông Huỳnh Thanh T và bà Ngô Thị Thanh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hòa hợp, hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Cho nên ông Huỳnh Thanh T yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh H. Phía bà Ngô Thị Thanh H cũng đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Thanh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã động viên để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng, khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau nhưng cả hai vẫn cương quyết ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc ông Huỳnh Thanh T yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T và giải quyết cho ông Huỳnh Thanh T được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh H.

[2] Về con chung: Ông Huỳnh Thanh T và bà Ngô Thị Thanh H đều thừa nhận là trong quá trình chung sống thì ông, bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Huỳnh Thanh T cho rằng trong ngày cưới bên gia đình ông cho con dâu 1 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, 1 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara, 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, cô bác hai họ cho 07 chỉ vàng nhẫn 24 kara. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì vợ chồng ông có bán vàng cưới là 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara. Hiện nay chỉ còn lại 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara (gồm 1 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara, 01 dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, vàng cô bác hai họ cho là 07 chỉ vàng nhẫn 24 kara), khi bà Ngô Thị Thanh H bỏ về nhà cha, mẹ ruột vào rạng sáng ngày 01/6/2021 thì đã lấy đi số vàng 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara vừa nêu, hiện nay bà H đang giữ số vàng này. Ông yêu cầu bà H chia cho ông 08 chỉ vàng 24 kara (gồm 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara). Còn phía bị đơn bà Ngô Thị Thanh H cho rằng ông T trình bày không đúng sự thật, vì ngày cưới gia đình ông T chỉ cho vợ chồng số vàng là 01 cây 01 chỉ vàng 24 kara (gồm 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24 kara;

01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24 kara). Tuy nhiên, toàn bộ số vàng này thì ông T đã bán hết để điều trị bệnh trong 03 năm từ năm 2019 đến năm 2021 tại nhiều bệnh viện như Từ Dũ, Bình Dân ở Sài Gòn, Phương Châu ở Cần Thơ nên hiện nay số vàng này đã không còn. Hiện bà và ông T không còn tài sản chung gì hết nên bà không đồng ý yêu cầu chia đôi tài sản chung của ông T.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh như sau:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”

Xét thấy, ông T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là sau ngày cưới ông có giao số vàng mà gia đình hai bên cho vợ chồng trong ngày cưới cho bà H giữ. Đồng thời, ông T cho rằng khi bà H bỏ về nhà cha, mẹ ruột vào rạng sáng ngày 01/6/2021 thì lúc đó ông vẫn còn ngủ, không hay bà H đi, cũng không có chứng kiến bà H lấy số vàng 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara (bút lục 193), trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông T cho rằng có người làm chứng là bà Lâm Thị H1, tuy nhiên bà Lâm Thị H1 là mẹ ruột của ông T và Tòa án cũng đã tiến hành ghi nhận lời khai của bà Hường, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2022 thì bà Hường cho rằng không có chứng kiến việc bà H lấy số vàng 01 cây 06 chỉ vàng 24 kara (**Bút lục 197-199**).

Phía bà Ngô Thị Thanh H cho rằng trong ngày cưới gia đình bên chồng chỉ cho số vàng là 01 cây 01 chỉ vàng 24 kara. Tuy nhiên, toàn bộ số vàng này thì ông T đã bán hết để trị bệnh cho vợ chồng trong 03 năm tại nhiều bệnh viện nên hiện nay số vàng này đã không còn. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (Bút lục 71 đến 190) đã thể hiện là trên thực tế ông Huỳnh Thanh T và bà Ngô Thị Thanh H có đi điều trị bệnh tại các bệnh viện như bà H trình bày, theo các hóa đơn, chứng từ điều trị bệnh tại bệnh viện do ông T cung cấp, cũng như lời thừa nhận của ông T thì chi phí để điều trị bệnh là hơn 130.000.000 đồng, chưa tính đến tiền thuốc, các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí phát sinh khác. Phía ông T cho rằng, tiền ông đi điều trị bệnh là do mẹ của ông là bà Lâm Thị H1 cho với số tiền 150.000.000 đồng, tuy nhiên ông không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, phía bà Lâm Thị H1 cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là có đưa cho vợ chồng ông T số tiền 150.000.000 đồng để đi điều trị bệnh, trong khi phía bà Ngô Thị Thanh H không thừa nhận là bà Hường có cho số tiền này để trị bệnh, bà H cho rằng chi phí điều trị bệnh là bán toàn bộ số vàng cưới và tiền từ việc bà buôn bán mà có. Như đã phân tích ở trên, chi phí trong quá trình vợ chồng ông T đi điều trị bệnh là hơn 130.000.000 đồng, chưa tính đến các chi phí phát sinh khác, việc điều trị bệnh diễn ra trong thời gian dài, tốn nhiều chi phí, trong khi ông T không đi làm,

không có nguồn thu nhập (việc này được mẹ của ông T là bà Hương thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2022). Do đó, bà H trình bày đã bán hết số vàng mà gia đình cho hai vợ chồng trong ngày cưới là 01 cây 01 chỉ vàng 24 kara để điều trị bệnh là có căn cứ.

Từ những phân tích ở trên nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu được chia tài sản chung của vợ chồng với số vàng 08 chỉ vàng 24 kara (gồm 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara, 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara) là không có căn cứ để chấp nhận.

Giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là: Vàng 24 kara (Vàng nữ trang, 97%) có giá là 4.960.000 đồng/chỉ; vàng 18 kara có giá là 3.650.000 đồng/chỉ.

[4] Về nợ chung: Ông Huỳnh Thanh T và bà Ngô Thị Thanh H đều tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bà H trả lại cho ông tài sản riêng của ông là 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara thì thấy rằng ông T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là bà H có lấy số vàng này của ông, phía bà H cũng không thừa nhận là có lấy số vàng này của ông. Do đó, ông T yêu cầu bà H trả lại cho ông 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 cây vàng 18 kara là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành như đã nêu ở phần trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đồng thời, ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu đòi lại tài sản không được Tòa án chấp nhận với số tiền là 3.809.000 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 91, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh T được ly hôn với bà Ngô Thị Thanh H.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

Về nợ chung: Ông Huỳnh Thanh T và bà Ngô Thị Thanh H đều tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T về việc yêu cầu được chia tài sản chung của vợ chồng với số vàng là 08 chỉ vàng 24 kara (vàng nữ trang, 97%) (gồm 01 sợi dây chuyền trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara; 01 chiếc lắc tay trọng lượng 04 chỉ vàng 24 kara)

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh T về việc yêu cầu bà Ngô Thị Thanh H trả lại cho ông 01 sợi dây chuyền trọng lượng 01 lượng vàng 18 kara.

- Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng. Đồng thời, ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí đối với việc yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu đòi lại tài sản không được Tòa án chấp nhận với số tiền là 3.809.000 đồng. Tổng cộng, ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.109.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.215.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003056 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Huỳnh Thanh T còn phải nộp thêm số tiền là 894.000 đồng (Tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng)

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã P, H.C, TST.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thủy Lam